TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2024/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 06 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Ông **Đỗ Châu P**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ thường trú: K36/52 Lê D, phường Hải C 1, quận Hải C, TP. Đà Nẵng;

Hiện ở tại: Số 12 đường Phạm Khiêm I, phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

- Bà **Lê Thị Kim H**, sinh năm: 1985

Địa chỉ thường trú: Số 24 đường Phan T, phường Hòa H1, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

Hiện ở tại: Số 12 đường Phạm Khiêm I, phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Đỗ Châu P và bà Lê Thị Kim H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều điểm không phù hợp và hay cãi vã nhau dẫn đến xung đột với nhau nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm

trọng, mục đI hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông P và bà H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông P và bà H xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Châu P1, sinh ngày 31/3/2017. Thuận tình ly hôn, ông P và bà H thống nhất thỏa thuận giao con Đỗ Châu P1 cho bà Lê Thị Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông P và bà H là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí Tòa án: Ông Đỗ Châu P và bà Lê Thị Kim H mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Châu P và bà Lê Thị Kim H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận; giao con Đỗ Châu P1, sinh ngày 31/3/2017 cho bà Lê Thị Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Đỗ Châu P và bà Lê Thị Kim H tự nguyện chịu. Ông P và bà H đã nộp đủ lệ phí theo biên lai số 0001602 ngày 18/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS Q.Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Hải Châu 1, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 29/12/2012);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm